

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST  
Ngày 24/01/2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Việt Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Nga, Ông Nguyễn Ngọc Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:**  
Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Mai Thành T, sinh năm 1991 (*có mặt*).

Địa chỉ: TDP 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***Bị đơn:*** Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1990 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: TDP 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Mai Thành T trình bày:*

Vào ngày 02/12/2022 anh có cho anh Huỳnh Văn Đ vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay (từ ngày 02/12/2022 đến ngày 02/3/2023). Lãi suất hai bên thoả thuận trong giấy

vay mượn tiền là 20%/năm, tức là 1,66%/tháng. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn 07 tháng nhưng anh Huỳnh Văn Đ vẫn không trả tiền gốc và lãi như đã thoả thuận. Do đó, anh yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Huỳnh Văn Đ phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày vay đến ngày làm đơn khởi kiện 11/10/2023 là số tiền 33.200.000 đồng (*ba mươi ba triệu đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi là 233.200.000 đồng (*Hai trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng*) và trả làm một lần cho anh.

*Quá trình tham gia tố tụng, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2023 bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày:*

Đối với số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) trong giấy vay tiền lập ngày 02/12/2022 anh là người làm chứng giữa việc anh Mai Thành T cho mẹ anh là bà Huyền Tôn Nữ Kim C vay, anh cũng thừa nhận trong giấy mượn tiền đúng là chữ ký chữ viết tên của anh, anh không biết lãi suất thoả thuận bao nhiêu % trên tháng, chỉ biết là mỗi tháng đóng tiền lãi cho anh T là 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*). Mặc dù anh có ký giấy mượn tiền nhưng anh không có nhận tiền từ anh T, anh không có mượn tiền của anh T nên việc anh Mai Thành T kiện buộc anh phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và 33.200.000 đồng (*ba mươi ba triệu đồng*) tiền lãi thì anh không đồng ý.

*Quá trình tham gia tố tụng, tại biên bản lấy lời khai bà Huyền Tôn Nữ Kim C trình bày:*

Vào ngày 02/12/2022 con trai bà là anh Huỳnh Văn Đ có đứng ra vay của anh Mai Thành T số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) để đưa về cho bà xây dựng kinh doanh nhà nghỉ, thời hạn vay là 03 tháng. Mỗi tháng trả cho anh Mai Thành T số tiền lãi 15.000.000 đ (*mười lăm triệu đồng*). Tính từ ngày vay cho đến nay đã trả được 07 tháng tiền lãi với số tiền 105.000.000 đồng (*Một trăm linh năm triệu đồng*). Mỗi lần trả tiền lãi thì có khi đưa trực tiếp cho anh T, vợ anh T và cũng có một hai lần chuyển khoản. Do tin tưởng nên có những lần trả tiền mặt thì không viết giấy biên nhận tiền, còn có những lần chuyển khoản thì sẽ cung cấp cho Toà án sau. Sau đó làm ăn khó khăn dính đợt dịch Covid 19 nên không có khả năng trả lãi cho anh T nữa, do vậy ngừng trả lãi, từ khi vay đến nay chưa trả được số tiền gốc nào. Nay anh T yêu cầu con trai bà là Huỳnh Văn Đ trả số tiền gốc 200.000.000 đ (*hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi thì bà có nguyện vọng cùng liên đới trả cho anh T, xin trả dần số tiền gốc, còn tiền lãi xin anh T không tính vì hiện tại gia đình khó khăn, tuổi bà cũng đã cao nên không có khả năng trả lãi cho anh T được nữa.

Toà án cũng đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ. Tuy nhiên anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà C vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc anh Huỳnh Văn Đ phải trả cho anh Mai Thành T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi suất như hai bên đã thoả thuận là 1,66%/tháng ( tính từ ngày 02/12/2022 đến ngày xét xử là 24/01/2024 là 13 tháng 22 ngày với số tiền 45.594.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bốn triệu đồng*)).

Tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Thành T. Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn Đ phải có trách nhiệm trả tiền cho anh Mai Thành T số tiền gốc 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định pháp luật ( tính từ ngày 02/12/2022 đến ngày xét xử là 24/01/2024 là 13 tháng 22 ngày với số tiền 45.594.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bốn triệu đồng*)). Tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày xét xử đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

Về án phí: Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn anh Mai Thành T, bị đơn anh Huỳnh Văn Đ có địa chỉ thường trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 02/12/2022 anh Mai Thành T có cho anh Huỳnh Văn Đ vay số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*). Khi vay hai bên viết giấy vay tiền và có anh Huỳnh Văn Đ ký nhận, có thỏa thuận lãi suất 20%/năm tức là 1,66%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 02/3/2023. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù anh T cũng đã tạo điều kiện nhưng anh Đ vẫn cố tình không trả. Nay anh T yêu cầu giải quyết buộc anh Huỳnh Văn Đ trả toàn bộ số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) cùng lãi suất phát sinh. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thành T là “Giấy mượn tiền” lập ngày 02/12/2022 do anh T cung cấp có chữ ký của anh Huỳnh Văn Đ. Từ đó, có cơ sở xác định giữa anh Mai Thành T và anh Huỳnh Văn Đ đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, anh Đ cũng thừa nhận trong giấy mượn tiền là chữ ký chữ viết của anh nhưng là người làm chứng, tuy nhiên anh Đ và bà C có đơn xin xét xử vắng mặt không tham dự phiên tòa, anh Đ cũng không cung cấp được chứng cứ về việc anh là người làm chứng cũng như việc trả tiền lãi cho anh T. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, do không cung cấp được chứng cứ nên được xem là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, do đó phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định anh Đ còn nợ anh T số tiền nợ gốc tính đến ngày 24/01/2024 là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Đối với tờ giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký của anh Huỳnh

Văn Đ, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ và đủ cơ sở để khẳng định anh Huỳnh Văn Đ có nợ anh Mai Thành T số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Xét thấy anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc anh Đ phải có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[5]. Về nghĩa vụ liên đới: Tại giấy mượn tiền và tại đơn khởi kiện anh Mai Thành T không có yêu cầu bà Huyền Tôn Nữ Kim C trả nợ, tuy nhiên bà C trình bày quá trình vay mượn tiền của anh T, bà có biết sự việc này và anh Đ vay tiền anh T đưa về cho bà để xây dựng kinh doanh nhà nghỉ. Bà C cũng có nguyện vọng có trách nhiệm liên đới cùng anh Huỳnh Văn Đ trả nợ cho anh T. Tuy nhiên xét thấy, việc anh Đ có đưa tiền hay cho bà C hay không và bà C có nguyện vọng cùng anh Đ trả tiền cho anh T thì đó là thoả thuận giữa bà C và anh Đ. Do vậy, không có căn cứ buộc bà C phải cùng liên đới trả nợ cho anh T là đúng quy định nên Toà án không đặt ra để giải quyết.

[6]. Về tiền lãi: Anh T trình bày cho anh Đ vay tiền với lãi suất không vượt quá quy định pháp luật, anh yêu cầu anh Đ trả lãi là 1,66%/tháng và có tài liệu chứng cứ chứng minh tại Hợp đồng vay tiền. Do đó, hợp đồng vay tiền giữa anh Mai Thành T và anh Huỳnh Văn Đ là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Mai Thành T yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 02/12/2022 đến ngày đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm. Do hợp đồng giữa các bên được xác lập vào ngày 02/12/2022 đang được thực hiện và có lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc tính lãi theo yêu cầu của anh T áp dụng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Do đó, số tiền lãi được tính là: 200.000.000 đồng x 20%/năm (tức là 1,66%/tháng) x 13 tháng 22 ngày = 45.594.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bốn triệu đồng*).

Trong giấy mượn tiền các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc. Do đó, lãi chậm trả đối với tiền nợ gốc sau khi xét xử được tính kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[7] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 12.279.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Thành T. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Huỳnh Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho anh Mai Thành T tổng số tiền 245.594.000đ (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng*), trong đó:

- Về tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

- Về nợ tiền lãi: 45.594.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi tư triệu đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với

các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.279.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Anh Mai Thành T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.830.000đ (*năm triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0003428 ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện Krông Bông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Việt Hưng**